

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lê

Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Chỗ ở hiện nay: Tổ X, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở Tư vấn và Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T, ông Nguyễn Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Do ông T1 nghiện ma túy nên cuối năm 2020, ông T1 đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Trâm A, sinh ngày 19-9-2018. Hiện cháu A chưa đủ 03 tuổi và ông T1 đang ở cơ sở cai nghiện nên bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến trưởng thành, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Bà T hiện làm công nhân chế biến thủy sản tại gia đình, có thu nhập và chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:**

Ông T1 xác nhận về quá trình chung sống, kết hôn và con chung như bà T trình bày là đúng.

Ông T1 trình bày từ đầu năm 2020, vợ chồng ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã và bà T đã xua đuổi ông T1 đi nơi khác. Vì lý do đó ông T1 đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2020 và bắt đầu sử dụng ma túy, sau đó ông T1 bị bắt đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay bà T xin ly hôn thì ông T1 không đồng ý vì ông T1 vẫn thương vợ con. Ngoài ra ông T1 cho biết bà T có quen người đàn ông khác nên muốn ly hôn để đến với người đó.

Về con chung: Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải cùng ngày 24-3-2021 ông T1 không đồng ý giao cháu A cho bà T nuôi vì bà T chăm sóc con không tốt, không thương con và thường xuyên đánh con. Tuy nhiên sau đó tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-5-2021, ông T1 có ý kiến đồng ý giao cháu A cho bà T nuôi và khi cai nghiện xong ông T1 sẽ tranh chấp việc nuôi con sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ lời khai của đương sự nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông T1 đã đến mức trầm và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1, giao cháu Nguyễn Nhật Trâm A cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1 đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T, ông T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà T, ông T1 là hợp pháp.

Theo sự thừa nhận của bà T, ông T1 thì trong quá trình chung sống giữa hai người đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến việc thường xuyên cãi vã lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó ông T1 đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2020 và bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy cho đến khi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trong quá trình tố tụng ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng vẫn còn thương vợ con và việc bà T muốn ly hôn là để đến với người đàn ông khác. Tuy nhiên, lời khai của ông T1 là không có cơ sở và mâu thuẫn với chính sự thừa nhận của ông T1 về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng bà T đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Trâm A, sinh ngày 19-9-2018 và cháu A đang được bà T chăm sóc. Xét việc ông T1 đồng ý giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với hoàn cảnh của ông T1 hiện nay. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 về việc giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh T1 về việc giao cháu Nguyễn Nhật Trâm A, sinh ngày 19-9-2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông T1 không được lạm dụng quyền thăm nom làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con của bà T. Vì lợi ích mọi mặt của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006301 ngày 26-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18-5-2021). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã P, huyện Đ,
tỉnh Quảng Ngãi (85 quyền số 01/2014);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

